
ĐỀ THI SỐ 1

Câu 1 (2 điểm): Sản phẩm là gì? Có mấy loại sản phẩm? Các thuộc tính của sản phẩm? Cho ví dụ về một sản phẩm mà bạn thường dùng và phân tích các thuộc tính của nó?

Ý 1: (0,5 đ) **Sản phẩm là gì?** là kết quả của một hoạt động, một quá trình, có thể là vật chất hay dịch vụ.

Dưới góc độ vật chất: sản phẩm là một đơn vị vật chất, trải qua quá trình gia công, được tiêu thụ một cách đơn lẻ trên thị trường (0,25đ)

Theo quan điểm của kinh tế thị trường: sản phẩm là bất cứ cái gì có thể cống hiến cho thị trường sự chú ý, sự chấp nhận, sự sử dụng, nhằm thỏa mãn một nhu cầu, một ước muốn nào đó và mang lại lợi nhuận (kinh tế, xã hội). (0,25đ)

Ý 2: **Có mấy loại sản phẩm?** (0,5đ)

Theo sự cảm nhận: có 2 loại (sản phẩm hữu hình, sản phẩm vô hình) (0,25đ)

Theo nhận định của nền kinh tế quốc dân: có 3 loại (Khu vực 1: sản phẩm của khai khoáng và trồng trọt ; Khu vực 2: sản phẩm của công nghiệp chế biến; Khu vực 3: sản phẩm của các loại dịch vụ - bao gồm sản phẩm của các lĩnh vực sau: Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại,...Du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc,...Đào tạo, huấn luyện, chăm sóc sức khỏe,...Dịch vụ công nghệ trí thức, chuyên giao bí quyết) (0,25đ)

Ý 3 (0,5đ) **Các thuộc tính của sản phẩm?** Nhóm các thuộc tính mục đích; Nhóm các thuộc tính kinh tế, kỹ thuật; Nhóm các thuộc tính hạn chế; Nhóm các thuộc tính thụ cảm

Ý 3: (0,5đ) **Cho ví dụ về một sản phẩm mà bạn thường dùng và phân tích các thuộc tính của nó?** Tùy ý, nhưng cần phải đúng các thuộc tính mà sản phẩm đang có.

Câu 2 (2 điểm): Trình bày hiểu biết của bạn về chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO? Trong một hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, có phải mọi sản phẩm làm ra đều có chất lượng cao hay không? Giải thích?

Ý 1: **Chất lượng sản phẩm là gì?** Là toàn bộ những tính năng của sản phẩm tạo nên sự hữu dụng của nó, được đặc trưng bằng những thông số kỹ thuật, những chỉ tiêu kinh tế có thể đo lường và tính toán được, nhằm thỏa mãn những nhu cầu nhất định phù hợp với công dụng của sản phẩm (0,5đ)

ISO là viết tắt của cụm từ International Organization for Standardization. ISO là một tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa của các nước, có mục đích tạo thuận lợi cho giao thương quốc tế và phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, khoa học, kỹ thuật, kinh tế Bộ tiêu chuẩn ISO 9000 qui tụ kinh nghiệm của quốc tế trong lĩnh vực quản lý và đảm bảo chất lượng trên cơ sở việc phân tích các quan hệ giữa người mua và người cung cấp (nhà sản xuất). Đây là phương tiện hiệu quả giúp các nhà sản xuất tự xây dựng và áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng ở cơ sở mình, đồng thời cũng là phương tiện mà bên mua có thể căn cứ vào đó tiến hành kiểm tra người sản xuất, kiểm tra sự ổn định của sản xuất và chất lượng sản phẩm trước khi ký kết hợp đồng. Bộ tiêu chuẩn ISO 9000 thực chất là chứng nhận hệ thống đảm bảo chất lượng chứ không phải kiểm định chất lượng sản phẩm. (0,5đ)

Ý 2: **Trong một hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, có phải mọi sản phẩm làm ra đều có chất lượng cao hay không?** Không phải mọi sản phẩm làm ra đều có chất lượng cao (0,5đ)

Giải thích và minh họa: chỉ có thể sản xuất ra một sản phẩm, một dịch vụ có chất lượng, có tính cạnh tranh cao khi mà cả hệ thống được tổ chức tốt, hiệu quả. Do vậy, để nâng cao tính cạnh tranh của một doanh nghiệp, vấn đề ở đây là phải xem xét, đánh giá chất lượng của công tác quản trị điều hành của hệ thống ở tất cả các khâu trong mọi hoạt động. Nếu một vài khâu trong hệ thống không hoạt động đồng bộ, sẽ xảy ra hiện tượng “lọt lưới”, nghĩa là sản phẩm làm ra sẽ không có chất lượng cao (0,5đ)

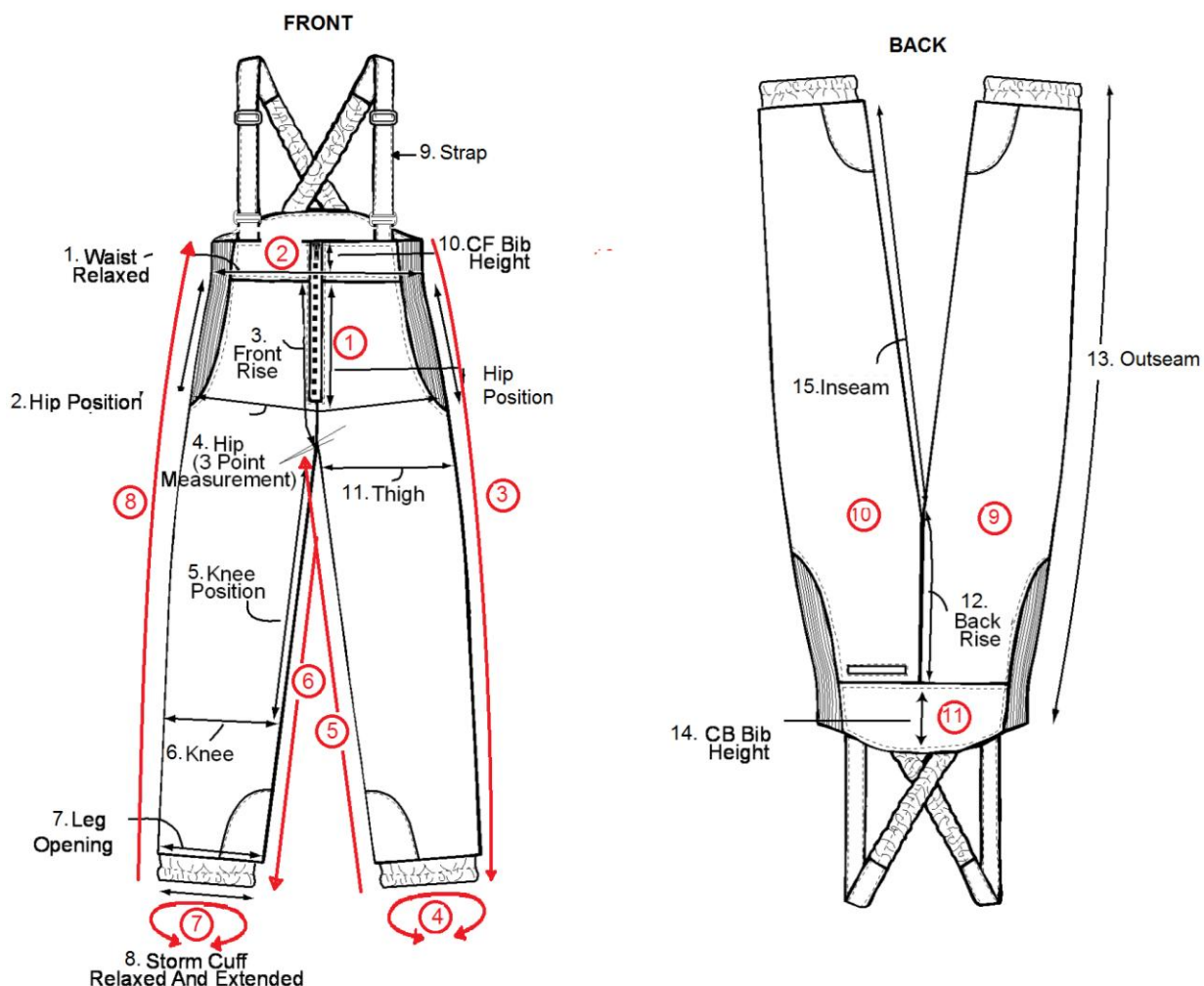
Câu 3 (3 điểm): Dịch các nội dung có trong hình vẽ (câu 4) ra tiếng Việt và giải thích kỹ về cách đo của các thông số kích thước đã cho (nếu có)

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
1. Waist relax	Eo nằm êm: Đo từ dọc quần bên này sang dọc quần bên kia theo đường ráp yếm (tính cho ½)	9. Strap	Dây đeo
2. Hip position	Hạ mông: Đo từ đường ráp yếm đến đường tương tượng song song mặt đất, đi ngang cửa quần	10. CF Bib height	Cao yếm ở giữa thân trước : đo thẳng giữa yếm trước, từ cạnh trên đến hết cạnh dưới của yếm
3. Front rise	Đáy trước: đo từ đường ráp yếm đến hết đáy trước.	11. Thigh	Ngang đùi: đo rộng đùi ở dưới ngang đáy quần 1 inch.
4. Hip (3 point measurement)	Ngang mông: Đo qua 3 điểm kỹ thuật	12. Back rise	Đáy sau: đo từ vị trí ráp yếm sau đến hết đáy sau
5. Knee position	Hạ gối: đo từ đáy quần dọc theo giàng quần với thông số đã cho	13. Outseam	Dọc quần: đo từ cạnh hông của yếm đến hết lai quần trong
6. Knee	Ngang gối: đo ngang gối ở vị trí hạ gối	14. CB Bib height	Cao yếm ở giữa thân sau: đo thẳng giữa yếm sau, từ cạnh trên đến hết cạnh dưới của yếm
7. Leg opening	Ngang ống: đo ngang ống từ bên này sang bên kia, (tính cho ½)	15. Inseam	Giàng quần: đo từ đáy đến hết lai quần ngoài.
8. Storm cuff and Extended	Ngang ống quần nẹp lai thun: để êm và kéo dẫn - Để êm: đo từ bên này ống sang bên kia ống (tính ½) - Kéo dẫn: kéo dẫn hết cỡ, đo từ bên này ống sang bên kia ống (tính ½)	Front Back	Thân trước (không tính điểm) Thân sau (không tính điểm)

Đánh giá:

- Dịch: 0,1 đ/từ
- Giải thích cách đo (phần in nghiêng): 0,1điểm/từ. (Riêng từ số 8. = 0,2 đ, từ số 9. không cần giải thích)

Câu 4 (3 điểm): Trình bày qui trình kiểm tra chi tiết mặt ngoài đối với sản phẩm quần yếm trẻ em 1 lớp sau:



A. Kiểm tra thân trước: (2 điểm)

- Đánh số và vẽ mũi tên theo chiều kim đồng hồ (0,4 điểm)

Stt	Nội dung kiểm tra	Điểm	Stt	Nội dung kiểm tra	Điểm
1	Kiểm tra mặt toàn diện mặt trước quần (đường may túi hông giả, diều baguette, đáy trước, sự đối xứng của các túi giả + khuy cúc/dây kéo)	(0,2 đ)	5	Kiểm tra đáy ống trái, giàng quần trái	(0,2 đ)
2	Kiểm tra yếm trước và 2 dây đeo (mặt trong và ngoài), các khoen cài	(0,2 đ)	6	Kiểm tra giàng quần phải	(0,2 đ)
3	Kiểm tra dọc quần trái	(0,2 đ)	7	Kiểm tra ống quần phải, lộn ống để kiểm tra	(0,2 đ)
4	Kiểm tra ống quần trái, lộn ống để	(0,2 đ)	8	Kiểm tra dọc quần phải	(0,2 đ)

	kiểm tra				
--	----------	--	--	--	--

B. **Kiểm tra thân sau:** (1 điểm)

- Úp thân sau (0,4 đ)

Stt	Nội dung kiểm tra	Điểm	Stt	Nội dung kiểm tra	Điểm
9.	Kiểm tra toàn diện ống, đáp ống thân trái	(0,2 đ)	11.	Kiểm tra yếm sau mặt ngoài và trong, dây đeo, khoen cài.	(0,2 đ)
10.	Kiểm tra toàn diện ống, đáp ống, túi mỡ thân phải	(0,2 đ)			

Ngày 17 tháng 6 năm 2016

Trưởng Bộ môn

Nguyễn Ngọc Châu